

Số: 32/2026/CV-COFEC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng Hà Nội

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100113575 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28 tháng 05 năm 2025 tại Phòng đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính TP Hà Nội.
- Địa chỉ: Nhà số 6 ngách 49 ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.38347591
- Mã số thuế: 0100113575
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm cơ lý đất nền móng và công trình
- Địa chỉ: Số 85 Ngọc Thụy, Phường Bồ Đề, Thành Phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0983.611.630

2. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc thiết bị
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C184, C188, C204, C430; AASHTO T133, T153, T192	Các loại sàng
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, AASHTO T106, T132,	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191, C151, C266; AASHTO T129, T107	Thiết bị đo độ ổn định thể tích
4	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141 :2023	Cân
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
5	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136, AASHTO T27	Sàng
6	Xác định hàm lượng lọt sàng 0.075mm	AASHTO T11; ASTM C117	Sàng
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128, AASHTO	Cân

		T84; T85	
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127, AASHTO T85	Cân
9	Xác định khối lượng thể tích xấp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29, AASHTO T19	
10	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C70, C566 AASHTO T255	
11	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006; ASTM C87, C117, C412 AASHTO T11, T 71, T112	
12	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40, AASHTO T21	
13	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM C170, D7012, D3148, D5731, D3967	
14	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535 AASHTO T96, T 327	
15	Xác định hàm lượng hạt thời dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM C4791; AASHTO T335	
16	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá, hạt nhẹ	TCVN 7572-17:2006; ASTM C1412; C123; AASHTO T112; T113	
17	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D5821	
18	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006;	
19	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	AASHTO T176; T19 ASTM D2419	Thiết bị bộ đương lượng cát
20	Xác định độ bền cốt liệu trong dung dịch Na ₂ SO ₄ , MgSO ₄	ASTM C88, AASHTO T104	
III	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
21	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119;	Máy đo vebe
22	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107:2022; ASTM C138; AASHTO T121;	Máy đo vebe
23	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022 ASTM C138, C642; AASHTO T121	
24	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022 ASTM C232;	

		AASHTO T158	
25	Phương pháp phân tích thành phần	TCVN 3110:1993	
26	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111: 2022; ASTM C173, C231, C233; AASHTO T152	Bình thử bọt khí
27	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112: 2022; ASTM C642,	
28	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022; ASTM C642, C1585	
29	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C418	Máy đo mài mòn
30	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022;	
31	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022; ASTM C403	Máy đo chống thấm
32	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157; AASHTO T160	Máy đo co ngót
33	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39;C42 AASHTO T22, T24, T140	
34	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78;C293 AASHTO T97, T177	
35	Xác định cường độ kéo dọc trục khi bừa/chẻ	TCVN 3120:2022; TCVN 8862 ;2011 AASHTO T198	
36	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403, C1117; AASHTO T197	Thiết bị thử đông kết
IV	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
37	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Thiết bị thử độ lưu động
38	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437	
39	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	
40	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	
41	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9204:2012; TCVN 10667:2014; ASTM C109,C348,C349,C942	Máy thử cường độ bầm dính
42	Xác định cường độ bầm dính của vữa đã đóng rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022; ASTM C1583	Máy thử cường độ bầm dính
43	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM C1403	thiết bị thời gian đông kết
44	Xác định độ chảy và độ chảy lan toả	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C939,C940,C1437	

V	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁT SÉT NUNG		
45	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng; Xác định độ tróc do vôi; Xác định sự thoát muối.	TCVN 63555:2009	
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHE		
46	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô;	TCVN 9030:2017 ;	
	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG		
47	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng;	TCVN 6477:2016 ;	
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
48	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn;	TCVN 6476:1999;	
VII	THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG		
49	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định kích thước ; - Xác định độ cong; - Xác định tính cân đối hình dạng; - Xác định lực uốn gãy - Xác định độ thấm nước - Xác định độ hút nước và khối lượng 1m² ở trạng thái bão hoà nước; - Xác định độ bền băng giá 	TCVN 4313 :2023;	
VIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
50	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011 ; ASTM D1559 ; D6927 ;AASHTO T245	
51	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011 ; ASTM D2172 ; AASHTO T164	

52	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; ASTM C136 ; AASHTO T30	
53	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 ; ASTM D20441; AASHTO T209	
54	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ; ASTM D2726; AASHTO T166	
55	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011 ; ASTM D6390; AASHTO T305	
56	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011 ; AASHTO T304	
57	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011 ; AASHTO T230	
58	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011 ; ASTM D3203; AASHTO T269	
59	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011 ; ASTM D3203; AASHTO T269	
60	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011 ;	
61	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	
IX	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
62	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005 ; ASTM D5 ; AASHTO T49	
63	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005 ; ASTM D113 ; AASHTO T51	
64	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005 ; ASTM D36 ; AASHTO T53	
65	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 ; ASTM D92 ; AASHTO T48	
66	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 1170:2017 ; TCVN 11711:2017 ; ASTM D6 ; D 1754 ; D 2872 ; AASHTO T47, T17, T240	
67	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen	TCVN 7500 :2023 ; ASTM D2042 ; AASHTO T44	
68	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501 :2005 ; ASTM D70 ; AASHTO T228	
69	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502 :2005 ; ASTM D2170 ; AASHTO T201	
70	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503 :2005	

71	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D2489, D3625; AASHTO T182, T195	
72	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2:2011; ASTM D3143, AASHTO T179	
73	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-3:2011; ASTM D95, AASHTO T55	
74	Thử nghiệm chưng cất nhựa đường lỏng	TCVN 8818-4:2011; ASTM D402; AASHTO T78	
75	Xác định độ nhớt tuyệt đối nhựa đường lỏng	TCVN 8818-5:2011; ASTM D2171, D2196; AASHTO T202	
X	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
76	- Đánh giá hình dáng bên ngoài; Xác định thành phần hạt; Xác định lượng mất khi nung; Xác định khối lượng riêng; Xác định chỉ số hàm lượng nhựa; Xác định: khối lượng thể tích, độ rỗng dư, độ ổn định, độ trương nở thể tích; Xác định hàm lượng nước; Xác định hệ số bão hoà nước của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường.	22 TCN 58-84 AASHTO T37; T133 ASTM D546	
XI	THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH BENTONITE		
77	Xác định: khối lượng riêng, độ nhớt, độ pH, hàm lượng cát, tính ổn định.	TCVN 11893:2017; ASTM D4972, D4380, D4381, D5891	
XII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
78	Kim loại: Thử kéo, nén, uốn, uốn lại	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; TCVN 7937:2013; TCVN 6287:1997; TCVN 314:2008; TCVN 1830:2008; TCVN 9245:2012; ASTM A 370, E8, E290; JIS Z2241, Z2248; AASHTO T244, T68 ;	
79	Mỗi hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:2010; TCVN 5402:2010; TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010;	
80	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn	TCVN 1548:1987;	

	bằng phương pháp PP siêu âm	TCVN 6735:2018; TCVN 165:1988; ASTM E 164	
81	Kiểm tra không phá huỷ - PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018;	
82	Kiểm tra không phá huỷ - PP thăm thấu	TCVN 4617:2018;	
83	Thử nghiệm bulong, đai ốc, ốc vít, nở sắt	TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989; ASTM A 370	
84	Thử nghiệm kéo mối nối bằng ống ren, cóc nối thép, tăng đơ	TCVN 13711-2:2023;	
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
85	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:12; ASTM D854; AASHTO T100	Bộ thăm đất
86	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; AASHTO T265	
87	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90	
88	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014; ASTM D136, D1140, D422; AASHTO T27, T88	
89	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; TCVN 8725:2012 ;ASTM D3080, c	
90	Xác định tính nén lún của đất	TCVN 4200:2012; ASTM D 2435	
91	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; 22TCN333;06; TCVN 12790;2020, ASTM D1557;02 ASTM D1557;02 AASHTO T99- 10, AASHTO T180-10	
92	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012; ASTM D2937; AASHTO T204	
93	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020; 22TCN 332- 06; ASTM D4429-92, D4429- 93; D1883 AASHTO T193	
94	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166;2016; BS 1377-7 ;1990	
95	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850 ASTM D4767 ASTM D7181;BS13777 AASHTO T296, T297	
96	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012;	
97	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267	

98	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215 ;	
XIV	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
99	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020; ASTM D1556; AASHTO T191, T204	
100	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1585;	
101	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235 ;	
102	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082;	
103	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195; D1196, D4695 ; AASHTO T221 ; T256	
104	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4685, D4695; AASHTO T256	Cần benkelman
105	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965,	
106	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012 ASTM C805	Bảng súng bật nảy
107	Xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012; ASTM C805M	Sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy
108	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012	
109	Thử nghiệm cọc tại hiện trường: - Tải trọng tĩnh ép dọc trục - Thí nghiệm đo ứng suất bê tông sử dụng đầu đo strain gauge - Phương pháp thí nghiệm O-CELL – Kiểm tra cho nền móng sâu dưới tác dụng của lực thẳng đứng	TCVN 9393:2012; ASTM D1143, D3689, D8169M-18 ASTM D8169M-18 ASTM D1143	Thiết bị đo strain gauge
110	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760	
111	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp động biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012; ASTM D5882	

112	Cọc Phương pháp biến dạng lớn của cọc (PDA)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945	
113	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:2012; ASTM E455-04 ASTM E529-04	
114	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429 ;	
115	Siêu âm thành vách kiểm tra độ thẳng đứng cọc khoan nhồi	TCVN 9395:2012; 22TCN257 :00	
116	Thí nghiệm đo giãn dài cơ học thân cọc khoan nhồi	TCVN 9393:2012;	
117	Đo nhiệt độ bê tông	TCVN 9340:2012;	
118	Thí nghiệm khoan lấy mẫu mũi cọc và kiểm tra tiếp xúc mũi cọc	TCVN 3118:2020; TCVN 12252:2020;	
XV	THỬ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT		
119	Xác định độ lắng đọng và độ ổn định lưu trữ; Xác định lượng hạt quá cỡ; Xác định diện tích hạt; Xác định độ khử nhũ; Thí nghiệm trộn với xi măng; Xác định độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chung cát; Thử nghiệm bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh; Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm; Xác định khả năng trộn lẫn với nước; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817:2011	
XVI	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP XI MĂNG – ĐẤT		
120	Độ đầm chặt tự nhiên	ASTM D558-2011	
121	Độ đầm chặt theo phương pháp khô và ướt	ASTM D559-2003;	
122	Độ bền theo thời gian	ASTM D560-2003;	
123	Xác định cường độ kháng nén, uốn	TCVN 9403:2012; ASTM D1633,1634,1635	

H
JNG
A NƠI
C.T.C.

